

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HNGĐ- ST

Ngày 28/5/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Quyết

Bà Đinh Thị Tin

- Th- ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên

Trong các ngày 27, 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đ- ơng sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: T B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Đ1, xã B1, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh H1 đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ VỤ:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 24 tháng 12 năm 2019. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách, quan điểm sống, cách xử sự với hai bên gia đình và việc nuôi dạy con chung. Sau khi kết hôn được một thời gian, do mâu thuẫn vợ chồng, chị H không chịu đựng được cuộc sống chung nên đã làm đơn ly hôn anh H1 nhưng anh H1 đã xé đơn xin ly hôn của chị H đi. Do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng không thể hòa hợp được nên chị H đã quyết định sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay. Chị H ở nhờ nhà bố mẹ đẻ tại xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, còn anh H1 sống tại xã B1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng không còn quan tâm gì chăm lo gì đến nhau nữa. Nay chị H tự thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân hai bên không có hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên chị H đề nghị được ly hôn anh H1 để có điều kiện tạo lập cuộc sống mới và giải thoát cuộc sống cho bản thân chị H cùng con chung;

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh H1 có con chung là Phạm Huyền A, sinh ngày 13/8/2020. Trước khi vợ chồng sống ly thân chị H là người trực tiếp nuôi và chăm sóc con. Sau khi vợ chồng sống ly thân, anh H1 sang nhà bố mẹ đẻ của chị H tại xã B, thị xã Đ đưa con về thị xã K và yêu cầu chị H về sống cùng nhưng chị H không đồng ý trở về ở cùng anh H1. Do con chung còn chưa đủ 12 tháng tuổi, vẫn đang thời gian cần bú sữa mẹ nên chị H nhiều lần đã yêu cầu anh H1 cho chị H đón con về chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng anh H1 không chấp nhận. Ngày 19/01/2021, chị H đã cùng anh trai sang xã B1, thị xã K để đón con chung về chăm nuôi nhưng anh H1 không cho chị H đón con, chị H đã phải nhờ đại diện Ủy ban nhân dân xã B1 và Công an xã B1 can thiệp nhưng anh H1 vẫn không cho chị H được đón con chung về chăm nuôi.

Nay vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cho chị được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung vì cháu A còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, chị H có bố mẹ đẻ tạo điều kiện cho mẹ con chị H có chỗ ở ổn định sau khi ly hôn, bố mẹ chị cam kết hỗ trợ thêm cho chị trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu A; chị H có công việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng tại Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh với mức thu nhập hàng tháng là 10.413.000 đồng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H1 hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Chị H không có gì tranh chấp, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành thủ tục tổng đạt cho anh H1 các tài liệu là: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên hòa giải, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục quy định;

**Tại các bản tự khai của anh H1 gửi Tòa án và việc anh H1 trình bày tại phiên tòa phản ánh:* Anh H1, chị H được tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 24 tháng 12 năm 2019. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc bình thường. Tuy nhiên đến tháng 01 năm 2021, chị H tự ý đơn phương làm thủ tục ly hôn anh H1 và giao nuôi con chung tại Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn. Sau khi anh H1 biết thông tin việc chị H làm đơn ly hôn, anh H1 đã nhiều lần điện thoại và đến gặp chị H để nói chuyện mong muốn chị H trở về đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung còn nhỏ tuổi, đang cần sự chăm sóc của cả bố lẫn mẹ. Tuy nhiên, theo anh H1 thì do bản thân chị H trước đây và sau khi chị H bỏ nhà ra đi chính là do bố mẹ đẻ chị H, anh trai chị H (*anh Nguyễn Tiến M*) đã có việc khuyên bảo không đúng mức, cản trở việc anh H1 và chị H đoàn tụ. Chính do gia đình bên nhà chị H đã cố tình giữ vợ con của anh H1 ở thị xã Đ đã dẫn đến hậu quả vợ chồng không có điều kiện hàn gắn, đoàn tụ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2021, anh H1 xác định nguyên nhân và lý do chị H làm đơn ly hôn anh H1 là:

Thứ nhất, do phía nhà vợ (nhà chị H) thời gian từ cuối năm 2020 đến nay do nghe thông tin không chính thống, không chuẩn mực về cách sống và bản chất con người anh H1 trước khi kết hôn với chị H. Từ đó có ý xa lánh anh H1, không tạo điều kiện cho vợ chồng anh H1 đoàn tụ nên dẫn đến việc vợ chồng xa cách và phải sống ly thân nhiều tháng vừa qua;

Thứ hai, vợ chồng trong thực tế đã không có sự thống nhất, chia sẻ về nơi cư trú của vợ chồng sau khi kết hôn. Do bố đẻ anh H1 mới mất, còn mẹ đẻ anh H1 ở xã B1 một mình lại bị bệnh nền, sức khỏe yếu nên anh H1 không thể để mẹ anh H1 ở một mình được. Trong khi chị H lại mong muốn vợ chồng hiện đều có công việc làm tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh thì phải mua đất xây nhà tại Quảng Ninh chứ không về thị xã K. Từ nguyên nhân này vợ chồng xảy ra khúc mắc, tranh cãi chưa giải quyết được với nhau;

Thứ ba, qua việc anh H1 tự tìm hiểu từ đồng nghiệp, người quen của chị H được biết thời gian trước đây do anh H1 thương vợ nên khi chị H mang thai và sinh con, sợ chị H vất vả phải lo toan cho gia đình nên anh H1 thường trực tiếp đi mua bán đồ dùng sinh hoạt cuộc sống hằng ngày và lại cầm tiền lương của anh H1 để chi tiêu cho

gia đình. Do đó, chị H đã không thoải mái về việc này, chị H muốn cầm tiền lương của anh H1 để trực tiếp chi tiêu.

Anh H1 thấy vẫn còn yêu thương chị H, mong muốn vợ chồng hòa hợp đoàn tụ để cho con chung có cả bố, lẫn mẹ nên anh H1 không đồng ý ly hôn chị H. Anh H1 không đề nghị gì về việc giao nuôi con chung, phân chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng trong vụ án này. Anh H1 không đồng ý để chị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung khi vợ chồng phải ly hôn.

** Tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 01 năm 2021, ngày 08 tháng 4 năm 2021, Đại diện Ủy ban nhân dân xã B1, thị xã K, tỉnh Hải Dương cung cấp:* Anh Phạm Văn H1 và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1 vào ngày 24 tháng 12 năm 2019. Anh H1 đang cư trú tại thôn Đ1, xã B1, chị H đang cư trú tại xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau kết hôn, vợ chồng chị H, anh H1 sống vui vẻ bình thường nhưng từ tháng 01 năm 2021 đến nay hai bên đã sống ly thân, cuộc sống vợ chồng chị H, anh H1 không hòa thuận hạnh phúc. Chị H có về xã B1 đón con chung về chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu A còn nhỏ tuổi đang cần bú mẹ nhưng anh H1 không cho chị H đón con, chị H đã phải nhờ Công an xã B1 xuống can thiệp về an ninh trật tự vào ngày 19/01/2021 (BL: 21, 58).

Tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 01 năm 2021, đại diện Công an xã B1 cung cấp: Thời gian chiều tối ngày 19/01/2021, khi chị H cùng anh trai của chị H về đón con chung thì anh H1 không cho chị H đón. Do khi đó hai bên xảy ra va chạm, to tiếng, chị H có đề nghị nên Công an xã B1 đã cử cán bộ xuống gia đình anh H1 để giữ gìn an ninh trật tự khu dân cư (BL: 20).

Tại biên bản xác minh ngày 08 tháng 4 năm 2021, đại diện cho Lãnh đạo thôn Đ1, xã B1 phản ánh: Chị H, anh H1 là vợ chồng. Hai bên có vướng mắc cá nhân nên vợ chồng nhiều tháng vừa qua sống ly thân là đúng thực tế. Trong thời gian vợ chồng ly thân, chị H thương nhớ con nên có về xã B1 để đón con nhỏ về thị xã Đ chăm sóc nhưng anh H1 không cho đón (BL: 59).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08 tháng 4 năm 2021 của bà Bùi Thị L, sinh năm 1956, địa chỉ: Thôn Đ1, xã B1, thị xã K, tỉnh Hải Dương (là mẹ đẻ anh H1), xác nhận: Sau kết hôn vợ chồng anh H1, chị H sống vui vẻ hòa thuận bình thường nhưng vài tháng trở lại đây vợ chồng có việc bất đồng quan điểm, khúc mắc với nhau nên chị H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Đ ở nhiều tháng vừa qua. Gia đình bà Linh đã nhiều lần sang đón và khuyên bảo chị H quay về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị H cố tình không về sống cùng anh H1 (BL: 60).

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22 tháng 3 năm 2021 của chị Cao Thị V, sinh năm 1981, địa chỉ: Khu dân cư V1, phường T1, thị xã K, tỉnh Hải Dương (là cô họ của anh H1), xác nhận: Thời gian gần đây được biết cuộc sống vợ chồng anh H1, chị

H có một số điểm không hòa hợp và cần phải có sự nhìn nhận, xem xét lại của cả hai bên. Từ tháng 01 năm 2021, chị H tự ý bỏ về Đ- Quảng Ninh ở, còn anh H1 ở một mình tại xã B1, thị xã K, tỉnh Hải Dương (BL: 44)

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02 tháng 4 năm 2021, anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1984, (là anh trai chị H) và các bản tự khai của bà Vũ Thị H2, sinh năm 1962 (là mẹ đẻ chị H), ông Nguyễn Tiến M1, sinh năm 1959 (là bố đẻ chị H), đều ở địa chỉ: T B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh phản ánh: Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, H1 chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian. Nhiều tháng vừa qua do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn căng thẳng nên chị H đã bỏ về ở cùng bố mẹ tại xã B, thị xã Đ. Thực tế khi còn chung sống cùng cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Trong trường hợp chị H ly hôn thì vợ chồng ông M1, bà H2 cam kết sẽ hỗ trợ cho mẹ con chị H có chỗ ở ổn định và phụ giúp chị H trong việc chăm nuôi cháu A có điều kiện phát triển ổn định bằng bạn bè cùng tuổi(BL: 44).

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn anh H1 và đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H hàng tháng đến khi con chung trưởng thành; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng) không có gì phải giải quyết trong vụ án;

Anh H1 trình bày, từ ngày 06 tháng 5 năm 2021 thì anh H1 không còn chấp nhận chị H là vợ; anh H1 đề nghị được nuôi con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng) không có gì phải giải quyết trong vụ án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng nh- tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:* Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H1. Về con chung: Giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Phạm Huyền A, sinh ngày 13/8/2020. Chấp nhận việc chị H tự nguyện không yêu cầu anh H1 hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NH□N □□NH C□A T□A □N:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị H và anh H1 được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 24 tháng 12 năm 2019 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh H1 đang cư trú tại xã B1, thị xã K nên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của chị H là đúng thẩm quyền.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ đơn và yêu cầu của chị H xin ly hôn thì thấy: Qua lời trình bày của các đương sự tại Tòa án, cung cấp của đại diện chính quyền địa phương, đại diện khu dân cư nơi đương sự cư trú, lời trình bày của đại diện hai bên gia đình các đương sự và các tài liệu được thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị H, anh H1 chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn sau khi kết hôn. Từ cuối năm 2020, vợ chồng sống không được hoà thuận, hạnh phúc. Khi hai bên còn chung sống cùng có sự khác biệt về quan điểm sống, cách xử sự trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày đối với nhau và đối với bố mẹ hai bên, vợ chồng không thống nhất trong việc lựa chọn nơi ở phù hợp với công việc và hoàn cảnh gia đình của mỗi bên, không thống nhất về cách thức chăm nuôi con chung. Vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng không thể tự giải quyết được. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Do không chịu đựng được cuộc sống chung nên từ tháng 01 năm 2021 đến nay chị H đã quyết định sống ly thân anh H1, độc lập trong làm ăn kinh tế, không còn quan tâm chăm lo gì đối với anh H1. Tại phiên tòa, anh H1 cũng tự xác định anh H1 không còn coi chị H là vợ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị H, anh H1 đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của H, xử cho chị H được ly hôn anh H1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị H, anh H1 có con chung là Phạm Huyền A, sinh ngày 13/8/2020. Anh H1, chị H là bố, mẹ của cháu A và cả hai đều có mong muốn được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là chính đáng. Tuy nhiên, xét hiện tại cháu A chưa được 01 tuổi, là con gái nên cần có mẹ để quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng mới bảo đảm cho cháu A phát triển ổn định về mọi mặt. Đồng thời chị H xuất trình được xác nhận của nơi làm việc hiện chị H có mức thu nhập ổn định hàng tháng là 10.413.000 đồng và được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở cho hai mẹ con chị H sau khi ly hôn. Thực tế sau khi vợ chồng ly thân, chị H luôn mong muốn được đón con chung về chăm nuôi nhưng không được anh H1 chấp nhận. Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn, hai bên đến nay không tự thỏa thuận thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Con chung dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*

đưỡng”. Do vậy, cần xử giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Huyền A là có căn cứ pháp luật, phù hợp với thực tế, đảm bảo lợi ích của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H1 hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành là phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4]*Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng):* Hiện chị H, anh H1 không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án này là đúng quy định.

[5]*Về án phí:* Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 81; Điều 82 ; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H1.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Huyền A, sinh ngày 13/8/2020. Thời gian nuôi dưỡng con chung từ tháng 5/2021 đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*);

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Văn H1 hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*);

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng):* Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004060 ngày 19/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

5. □n xử công khai sơ thẩm. Tòa án báo cho cho chị H, anh H1 biết đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục thi hành án ds tx Kinh Môn;
- UBND xã B1, TX. K.
- L- u hồ sơ, V.P

T/M. H□I □□NG X□T X□ S□ THỘM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết